

Công văn

Tiền Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2014

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất Quý 4/2013

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hùng Vương:

Chỉ tiêu	Quý 4/2013 VND	Quý 4/2012 VND	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.409.952.371.662	2.039.377.017.015	11.201.434.980.705	7.749.156.615.001
2. Các khoản giảm trừ	55.813.347.338	19.302.988.968	136.788.558.358	60.633.367.506
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.354.139.024.324	2.020.074.028.047	11.064.646.422.347	7.688.523.247.495
4. Giá vốn hàng bán	3.174.558.525.480	1.772.073.161.674	10.063.562.549.914	6.602.936.291.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.580.498.844	248.000.866.373	1.001.083.872.433	1.085.586.956.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	89.552.679.956	22.972.645.579	177.150.817.997	57.600.162.278
7. Chi phí tài chính	111.605.296.350	70.301.742.026	318.822.533.299	283.017.255.992
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>64.731.062.491</i>	<i>64.492.408.171</i>	<i>246.165.289.941</i>	<i>267.454.413.439</i>
8. Chi phí bán hàng	174.948.494.997	147.230.061.191	502.655.381.313	461.049.685.068
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	87.624.233.805	59.854.244.192	176.445.681.614	136.523.873.468
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(105.044.846.352)	(6.412.535.457)	180.311.094.204	262.596.303.985
11. Thu nhập khác	20.810.551.330	26.114.288.165	121.733.859.327	40.938.078.648
12. Chi phí khác	10.049.362.651	19.673.492.765	91.307.740.091	37.416.042.584
13. Lợi nhuận khác	10.761.188.679	6.440.795.400	30.426.119.236	3.522.036.064
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	33.379.584.569	(1.584.803.401)	64.352.964.886	56.168.772.639
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(60.904.073.104)	(1.556.543.458)	275.090.178.326	322.287.112.688
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.019.300.691	17.462.687.359	41.510.138.100	45.369.812.811
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19.391.807.802	3.909.225.772	16.089.611.683	8.338.705.713
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(51.531.565.993)	(15.110.005.045)	249.669.651.909	285.256.005.590
Trong đó:				
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	(633.013.486)	3.659.195.009	77.231.461.783	24.826.303.036
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(50.898.552.507)	(18.769.200.054)	172.438.190.126	260.429.702.554
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(424)	(853)	1.799	3.320

Quý 4/2013, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Hùng Vương (mã CK: HVG) lỗ 51.531.565.993 đồng.

Nguyên nhân do quý 4/2013 phải gánh nhiều khoản chi phí lớn, trong đó:

- Chi phí bán hàng quý 4/2013 tăng 27,7 tỷ so với quý 4/2012, tương đương 19%. Trong đó, chủ yếu là chi phí cước tàu, vận chuyển.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4/2013 tăng 27,7 tỷ so với quý 4/2012, tương đương 46%. Trong đó, chủ yếu là chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí lương thưởng cuối năm.

Trên đây là giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2013 bị lỗ 51.531.565.993 đồng trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Trân trọng,

TỔNG GIÁM ĐỐC



DƯƠNG NGỌC MINH

Công văn

Tiền Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2014

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất Quý 4/2013
biến động so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 2, điều 10, điểm 3.2: "... Trường hợp lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo của kỳ công bố so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên phải giải trình nguyên nhân ..."

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hùng Vương:

Chỉ tiêu	Quý 4/2013 VND	Quý 4/2012 VND	% tăng giảm	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND	% tăng giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.409.952.371.662	2.039.377.017.015	67,21%	11.201.434.980.705	7.749.156.615.001	44,55%
2. Các khoản giảm trừ	55.813.347.338	19.302.988.968	189,14%	136.788.558.358	60.633.367.506	125,60%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.354.139.024.324	2.020.074.028.047	66,04%	11.064.646.422.347	7.688.523.247.495	43,91%
4. Giá vốn hàng bán	3.174.558.525.480	1.772.073.161.674	79,14%	10.063.562.549.914	6.602.936.291.260	52,41%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.580.498.844	248.000.866.373	-27,59%	1.001.083.872.433	1.085.586.956.235	-7,78%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	89.552.679.956	22.972.645.579	289,82%	177.150.817.997	57.600.162.278	207,55%
7. Chi phí tài chính	111.605.296.350	70.301.742.026	58,75%	318.822.533.299	283.017.255.992	12,65%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>64.731.062.491</i>	<i>64.492.408.171</i>	<i>0,37%</i>	<i>246.165.289.941</i>	<i>267.454.413.439</i>	<i>-7,96%</i>
8. Chi phí bán hàng	174.948.494.997	147.230.061.191	18,83%	502.655.381.313	461.049.685.068	9,02%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	87.624.233.805	59.854.244.192	46,40%	176.445.681.614	136.523.873.468	29,24%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(105.044.846.352)	(6.412.535.457)	-1538,12%	180.311.094.204	262.596.303.985	-31,34%
11. Thu nhập khác	20.810.551.330	26.114.288.165	-20,31%	121.733.859.327	40.938.078.648	197,36%
12. Chi phí khác	10.049.362.651	19.673.492.765	-48,92%	91.307.740.091	37.416.042.584	144,03%
13. Lợi nhuận khác	10.761.188.679	6.440.795.400	67,08%	30.426.119.236	3.522.036.064	763,88%
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	33.379.584.569	(1.584.803.401)	-2206,23%	64.352.964.886	56.168.772.639	14,57%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(60.904.073.104)	(1.556.543.458)	-3812,78%	275.090.178.326	322.287.112.688	-14,64%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.019.300.691	17.462.687.359	-42,62%	41.510.138.100	45.369.812.811	-8,51%
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19.391.807.802	3.909.225.772	396,05%	16.089.611.683	8.338.705.713	92,95%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(51.531.565.993)	(15.110.005.045)	-241,04%	249.669.651.909	285.256.005.590	-12,48%
Trong đó:						
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	(633.013.486)	3.659.195.009	-117,30%	77.231.461.783	24.826.303.036	211,09%
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(50.898.552.507)	(18.769.200.054)	-171,18%	172.438.190.126	260.429.702.554	-33,79%
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(424)	(853)	-50,29%	1.799	3.320	-45,81%

Công ty Cổ phần Hùng Vương (mã CK: HVG) giải trình như sau:

- Dự đoán sản lượng cá tra nguyên liệu sẽ sụt giảm mạnh, Công ty chủ trương giữ hàng lại để tăng xuất khẩu trong năm 2014. Do đó, lợi nhuận gộp quý 4 năm 2013 giảm 27,59% so với quý 4 năm 2012.
- Các yếu tố chi phí quan trọng khác nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ năm trước :
 - Chi phí bán hàng tăng 9,02% chủ yếu do các chi phí về vận chuyển, cước tàu (trong đó quý 4/2013 tăng 18,83%).
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 29,24% chủ yếu do các chi phí dự phòng phải thu khó đòi, lương tháng 13, thưởng Tết Nguyên Đán (trong đó quý 4/2013 tăng 46,4%).

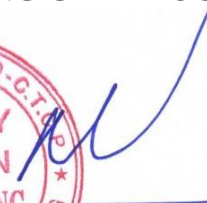
Do ảnh hưởng từ các yếu tố trên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất của quý 4 năm 2013 đã giảm 36.421.560.948 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2013 so với quý 4 năm 2012 của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Trân trọng,

TỔNG GIÁM ĐỐC




DƯƠNG NGỌC MINH